

Bản án số: 51/2021/HS-ST

Ngày 25/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng

Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Bình

Ông Nguyễn Trọng Hùng

Ông Lê M Trực

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Ngô Thọ Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2021/TLST-HS ngày 03/02/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

1. Đoàn M L, sinh năm 1995 tại xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Nơi cư trú: khu phố H, pH P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Đoàn Văn V và bà Phạm Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 03/11/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá. có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Dương Đình Lâm - Luật sư Văn phòng Luật sư Thiên Tân, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá. Có mặt

2. Nguyễn Q M, sinh năm 1992 tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: số 06/58 Trần Xuân S, pH Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần

Thị B; có vợ Bùi Thị N, có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 12/6/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá. có mặt.

2. Lê Ngọc T, sinh ngày 11/9/2003 tại huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi cư trú: thôn 1, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Ngọc C và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 10/6/2020 đến ngày 16/6/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; tại ngoại. có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:* Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1971, trú tại: thôn 1 B, xã N, tỉnh Thanh Hóa (bố đẻ Lê Ngọc T). Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hoàng Đức H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Đại diện Nhà trường THPT N II: Ông Lê Bá L - Hiệu trưởng Trường THPT N II, nơi Lê Ngọc T đang học tập (có đơn xin vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị H - Sinh năm 1977. Vắng mặt

Nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

2. Bà Dương Thị H - Sinh năm 1969. Vắng mặt

Nơi cư trú: thôn X, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

3. Bà Dương Thị T - Sinh năm 1976. Vắng mặt

Nơi cư trú: thôn N, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1996

2. Chị Vũ Thị N – Sinh năm 1995

Đều cư trú tại: xóm 16, xã G, huyện G, tỉnh N. Đều vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Chí T - Sinh năm 1994. Vắng mặt

Nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Nguyễn Bá Q - Sinh năm 1991. Vắng mặt

Nơi cư trú: ngõ 403, C 2, pH Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 Pt ngày 10/6/2020, Tổ công T của Công an huyện N đang tiến hành tuần tra kiểm soát tại đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thì phát hiện một nam thanh niên điều khiển xe mô tô BKS 36AA-959.15 đi theo hướng Nghệ An - Thanh Hóa có dấu hiệu vi phạm hành chính. Tổ công T đã ra tín hiệu dừng xe kiểm tra và phát hiện trong túi màu đen mà nam thanh niên đeo trên người có 80 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ có cùng số seri LP 13220807 nghi là tiền giả. Người điều khiển xe máy khai tên là Lê Ngọc T, sinh ngày 11/9/2003, trú tại thôn 1, xã B, huyện N,

tỉnh Thanh Hóa. T khai nhận 80 tờ tiền nói trên là tiền giả T đang mang đi tiêu thụ nhưng chưa tiêu thụ được nên quay về nhà thì bị phát hiện bắt quả tang. Tổ công T đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong toàn bộ số tiền trên theo quy định (B1 01-02).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 80 (tám mươi) tờ tiền giả mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) có cùng số seri: LP13220807 thu giữ khi bắt quả tang Lê Ngọc T;

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Ngọc T thu giữ:

- 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000đ có số seri: LP13220807;
- Thu giữ 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ, số seri: LP13220807 của bị can Lê Ngọc T lưu hành khi mua hàng do bà H giao nộp.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu ESPERO, màu Xanh, BKS: 36AA-95915, đã qua sử dụng ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LG, màu đen, loại máy G4, số IMEI 357767063245404 thu giữ của Lê Ngọc T.

Quá trình điều tra Lê Ngọc T khai nhận: Khoảng đầu tháng 6/2020 Lê Ngọc T sử dụng facebook có tên là chữ nước ngoài của T để truy cập vào nhóm có tên “Biển 19 - tham gia nhóm là có tiền” với mục đích tìm mua tiền giả để bán lại kiếm lời và chỉ tiêu cá nhân thì thấy có bài viết đăng bán tiền giả nên T vào xem, sau đó có tài khoản facebook là “Lê Việt H” (đây là facebook của Nguyễn Q M) nhắn tin cho T hỏi có mua tiền giả không? T đồng ý và đặt mua 17.000.000 đ tiền giả hết 3.500.000đ tiền thật, nếu M đem tiền giả cho T thì T phải trả 500.000đ tiền công. T đồng ý và đã nhắn tin số điện thoại của mình cho M và hẹn chiều ngày 09/6/2020 giao tiền giả tại xã B, huyện N. Khoảng 15 giờ ngày 09/6/2020, T đang ở nhà ông ngoại tại thôn 1, xã B, huyện N thì M gọi điện thoại cho T ra đón, T đưa M vào nhà ông ngoại. Sau khi xem tiền giả T lấy 490.000đ trả tiền công cho M và đi cầm cố điện thoại được 3.500.000đ về trả cho M, M đưa 17.000.000đ tiền giả cho T rồi đi về nhà. Sau khi mua được 17.000.000 tiền giả, T đã xé 01 tờ tiền giả để kiểm tra và tìm hiểu nó khác gì với tiền thật rồi vứt xuống cống nước trước nhà ông ngoại, số tiền giả còn lại 16.800.000đ, T cất vào túi quần rồi đi ra chợ B ở thôn 1, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa mua một chiếc túi đeo và một áo chống nắng của bà H với giá 180.000đ, mua lọ lăn khử mùi của bà T với giá 50.000đ và mua giò, chả của bà H với giá 50.000đ. Khi thanh toán tiền, T đã đưa cho mỗi người 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000đ và được bà H trả lại 20.000đ tiền thật, bà T trả lại 150.000đ tiền thật và bà H trả lại 150.000đ thật, mua hàng xong, T đi về nhà mình. Đến khoảng 17h, thấy lo sợ về việc sử dụng tiền giả có thể bị Công an phát hiện nên T đã gọi điện cho M nói dối là số tiền giả này không tiêu được nên T trả lại cho M và xin lại 2.500.000đ, nhưng M không trả lời. Sau đó T thấy M chặn facebook, số điện thoại của mình nên T đã cất số tiền giả còn lại là 16.200.000đ, ở bàn học của T.

Ngày 10/6/2020, T đi vào thị xã T, tỉnh Nghệ An tiêu thụ tiền giả nhưng không tiêu thụ được, trên đường về đến địa phận thôn C, xã B, huyện N thì bị tổ công T của Công an huyện N phát hiện bắt quả tang (B1 189- 242; 596- 666; 667-728; 729- 784).

Ngày 12/6/2020, Nguyễn Q M bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N kiểm tra phát hiện trong cốp xe máy của M có 51 tờ tiền

giả mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) có cùng số seri: LP13220807; 01 mô tô nhãn hiệu HONDA màu xanh-đen, BKS: 36B5- 82867, số loại WAVE RSX đã qua sử dụng, có chìa khóa xe; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J8 màu đen, số IMEI 1: 35905109706780/01; IMEI 2: 359052097067688/01; 01 ví da màu đen đã qua sử dụng, nhãn hiệu LEVIS; 01 thẻ ngân hàng ATM Sacombank số: 3564800005131888; 01 thẻ ngân hàng ATM Techcombank số: 9704078851878864; 01 thẻ ngân hàng ATM VPBank số: 9704320830977643; 01 thẻ ngân hàng ATM Vietcombank số: 9704366813389118011; 01 thẻ ngân hàng ATM VP Bank số: 5203993013278817 tất cả đều thu giữ của Nguyễn Q M.

Tại bản Kết luận giám định số 1579/PC09 ngày 15/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa Kết luận: 80 tờ tiền mệnh giá 200.000đ có cùng số seri: LP13220807 gửi giám định là tiền giả; Kết luận giám định số 1694/PC09 ngày 25/6/2020 của Phòng kỹ thuật, Công an tỉnh Thanh Hóa Kết luận : 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) có cùng số seri: LP13220807 gửi giám định là tiền giả, Kết luận giám định số 2225/PC09 ngày 18/8/2020 của Phòng kỹ thuật, Công an tỉnh Thanh Hóa Kết luận : 51 tờ tiền mệnh giá 200.000đ có cùng số seri: LP13220807 gửi giám định là tiền giả (B1 155, 163, 171).

Quá trình điều tra Nguyễn Q M khai nhận: Khoảng ngày 10/4/2020, do khó khăn về kinh tế nên M sử dụng tài khoản facebook của mình là “Lê Việt H” để truy cập vào trang facebook mua bán tiền giả với mục đích mua tiền giả để bán lại kiếm lời. Qua tìm kiếm M phát hiện tài khoản facebook “Ba Bác Gấu” (là facebook của Đoàn M L) đăng tin rao bán tiền giả nên M đã trao đổi, thỏa thuận việc mua tiền giả với Đoàn M L, qua Zalo cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/4/2020 M đã sử dụng tài khoản: 0781000465390 của M tại ngân hàng Vietcombank chuyển hai lần tiền tổng là 1.120.000đ vào tài khoản: 001010651465000 của Đoàn M L tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn, 01 triệu là để mua 03 triệu đồng tiền giả và 120.000 đ là phí chuyển tiền giả. Sau khi nhận tiền L nói chưa có tiền giả để gửi nên M phải đợi.

Lần 2: L nhắn tin trao đổi với M là gửi thêm tiền để L gửi tiền giả cho M một thẻ và nói tỷ lệ mua bán lần này là 01 triệu mua được 3,5 triệu đến 04 triệu tiền giả. Ngày 22/4/2020 với cách thức như trên M chuyển 2.020.000đ cho Đoàn M L, trong đó 02 triệu là tiền sử dụng mua tiền giả, 20 nghìn đồng là tiền phí chuyển tiền giả. Sau khi nhận tiền L nói chưa có tiền giả khi nào có sẽ gửi cho M. Việc giao nhận tiền giả, M đã cho L địa chỉ để L gửi về cho M.

Lần 3: L nhắn tin cho M nói đã có tiền giả và gửi cho M 80 triệu đồng tiền giả thì M phải gửi cho L 20 triệu đồng. Ngày 19/5/2020, M đã chuyển cho L số tiền 3.550.000 đồng. Sau khi nhận được tiền L nói tiền giả không gửi qua đường bưu điện được mà phải gặp trực tiếp để lấy, nên M đã cho L số điện thoại của Nguyễn Bá Q (là anh họ của M làm nhân viên đường sắt) để L liên lạc, chuyển tiền giả qua Q đem về cho M. Chiều ngày 05/6/2020 L bỏ tiền giả vào hộp và bọc kín đến Ga tàu hỏa Sài Gòn đưa cho Q gói đồ (tiền giả) chuyển về cho M (Q không biết bên trong là tiền giả). Ngày 07/6/2020 Q về đến Thanh Hóa gọi điện cho M ra lấy đồ, M ra lấy rồi đem về phòng ngủ tầng 2 để kiểm tra.

Tại đây M bóc ra bên trong toàn loại tiền mệnh giá 200.000đ, cùng một số sêri, M đếm được tổng số tiền giả là 29.200.000 đồng và cất giấu vào gầm giường.

Chiều ngày 07/6/2020 M sử dụng facebook “Lê Việt H” để truy cập vào nhóm có tên “Biển 19 - tham gia nhóm là có tiền” thấy có tài khoản facebook mang tên các chữ nước ngoài, tài khoản này là của Lê Ngọc T, M đã nhắn tin qua facebook cho T và thỏa thuận, thống nhất giá bán và cách thức giao nhận tiền giả với T và hẹn chiều ngày 09/6/2020 giao tiền giả trực tiếp tại xã B, huyện N. Sau đó sự việc diễn ra như lời khai của Lê Ngọc T. Sau khi T gọi điện xong M thấy lo sợ nên đã lấy số tiền giả 2.000.000đ đang cất giấu ở gầm giường đem đi đốt.

Ngày 03/11/2020 cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa bắt tạm giam đối với Đoàn M L.

Quá trình điều tra Đoàn M L khai nhận:

Khoảng đầu tháng 4/2020, do không có công ăn việc làm ổn định nên Đoàn M L nảy sinh ý định tìm mua tiền giả để bán lại cho người khác kiếm lời. L đã sử dụng tài khoản facebook của mình để giao định mua bán nhiều lần tiền giả với Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 và Vũ Thị N, sinh năm 1995, cùng trú tại xóm 16, xã Giao Thịnh, huyện Giao T, tỉnh Nam Định cụ thể:

Lần 1: Đầu tháng 4/2020, L thỏa thuận với vợ chồng T, N mua tiền giả với tỷ lệ 1:6 (một triệu đồng tiền thật mua được sáu triệu đồng tiền giả). L đã mua 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) được 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền giả. Địa chỉ nhận tiền giả là: M L - 5/12 Mễ Cốc, P.15, Q.8, TP. Hồ Chí Minh, số điện thoại: 0372.407.906. Sau khi nhận được bưu kiện (tiền giả) L đã thanh toán tiền cho nhân viên bưu điện như đã thỏa thuận với vợ chồng T, N.

Lần 2: Cách lần một khoảng 03 ngày L tiếp tục liên lạc, thỏa thuận với Vợ chồng T, N mua tiền giả theo tỷ lệ 1:7 (một triệu tiền thật mua được 7 triệu tiền giả). L mua 6.000.000đ (sáu triệu đồng) được 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) tiền giả.

Lần 3: Khoảng giữa tháng 4/2020, L tiếp tục mua tiền giả của vợ chồng T, N với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) được 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tiền giả.

Lần 4: Khoảng cuối tháng 4/2020, L tiếp tục mua tiền giả của vợ chồng T, N với số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) được 15.000.000đ tiền giả.

Tổng số 04 lần Đoàn M L mua của Nguyễn Văn T và Vũ Thị N là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng) tiền giả loại mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra L còn được vợ chồng T, N gửi 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để xem mẫu tiền giả mới, 02 tờ tiền này L đã sử dụng bán lại.

Sau các lần L mua được tiền giả trên L đã sử dụng facebook cá nhân rao bán tiền giả trên mạng xã hội facebook. Đoàn M L đã bán cho một số đầu mối trong đó có Nguyễn Q M cụ thể:

Lần 1: Như Nguyễn Q M đã khai ở trên. Sau khi nhận được 1.120.000đ tiền của M, L đã bỏ 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền giả loại mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào hộp đóng gói rồi gửi qua dịch vụ Bưu điện cho M

theo địa chỉ: Q M - Siêu thị BigC thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, số điện thoại 0961098430.

Lần 2: Với cách thức như trên, sau khi L nhận được 2.020.000đ, L đã chuyển 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tiền giả theo tỷ lệ 1:3,5 cho M theo địa chỉ gửi như lần 1.

Lần 3: Theo thỏa thuận M mua 3.500.000đ tiền thật (VNĐ) thì được L bán cho 12.000.000đ tiền giả. Ngày 19/5/2020, L đã nhận được 3.550.000đ, trong đó 3.500.000 đ mua 12.000.000đ tiền giả và 50.000 đ phí chuyển tiền giả. Sau khi nhận tiền, L đã gửi 12.000.000 đ tiền giả cho M qua đường Bưu điện nhưng lần này M cung cấp địa chỉ, số điện thoại người nhận tiền giả khác lần 1, lần 2 nên L không nhớ được địa chỉ và số điện thoại trên.

Đến đầu tháng 6/2020, L tiếp tục dùng facebook cá nhân để tìm mua tiền giả, qua tìm kiếm L thấy tài khoản facebook “Đồng tiền” có rao bán tiền giả loại 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) nên đã nhắn tin, trao đổi qua facebook, zalo với người này, qua nhắn tin L biết người bán tiền giả tên là Huỳnh Châu P, ở tỉnh Tiền Giang L không rõ địa chỉ cụ thể. L thỏa thuận mua 10.000.000đ tiền thật thì được P bán cho 75.000.000đ tiền giả. Sau khi mua được tiền giả L thỏa thuận bán lại cho M số tiền giả 75.000.000đ này với giá 20.000.000đ, lần này L gửi tiền giả cho M trước và M sẽ gửi tiền vào tài khoản cho L sau, do số tiền giả nhiều không gửi qua bưu điện được nên M đã nhắn tin cho L số điện thoại của anh Nguyễn Bá Q để L chuyển tiền giả cho Q cầm về cho M. khoảng 03 (ba) ngày sau M chặn liên lạc, số điện thoại, facebook của L và không chuyển tiền thanh toán cho L như đã thỏa thuận. Ngoài số tiền giả Đoàn M L đã bán cho Nguyễn Q M thì L khai còn bán cho một số người khác tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện nay L không nhớ được tên, địa chỉ của những người này và cách thức giao dịch như nào (B1 365- 428; 429- 547; 548- 599; 596- 666).

Quá trình điều tra cơ quan điều tra xác định các bị cáo đã có hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả như sau:

Đoàn M L đã có hành vi mua bán, tìm nguồn tiêu thụ với số tiền giả là 149.000.000đ (một trăm bốn chín triệu đồng). Trong đó mua của Nguyễn Văn T, Vũ Thị N 73.000.000đ (bảy ba triệu đồng) loại mệnh giá 500 nghìn đồng và được T, N gửi cho 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền giả là mẫu mới loại mệnh giá 500 nghìn đồng. Tổng cộng là 74.000.000 đ (bảy tư triệu đồng) tiền giả; mua của Huỳnh Châu P ở tỉnh Tiền Giang 75.000.000đ (bảy lăm triệu đồng) tiền giả loại mệnh giá 200 nghìn đồng.

Nguyễn Q M: Quá trình điều tra Đoàn M L khai đã bán cho M 97.000.000đ (chín bảy triệu đồng) tiền giả, trong đó có 22.000.000 đ (hai hai triệu đồng) loại tiền mệnh giá 500 nghìn đồng L đã gửi cho M 03 lần qua bưu điện; 75.000.000đ (bảy lăm triệu đồng) tiền giả loại mệnh giá 200 nghìn đồng gửi qua anh Nguyễn Bá Q là người nhà của M. Mặc dù xác M tại bưu điện xác định L có gửi 02 lần theo địa chỉ, số điện thoại của M, một lần không xác định được. Anh Nguyễn Bá Q thừa nhận đã nhận bịch hàng từ Ga Sài Gòn đem về đưa cho M. Tuy nhiên, không đủ căn cứ xác định trong các bưu kiện L gửi là có tiền giả hay không, bịch hàng anh Q nhận cho M anh Q không biết bên trong có tiền, số lượng bao nhiêu. Mặt khác Nguyễn Q M không thừa nhận đã nhận 03

lần tiền giả loại mệnh giá 500 nghìn đồng như L khai, chỉ thừa nhận là nhận được từ L 29.200.000đ (hai chín triệu hai trăm nghìn đồng) loại mệnh giá 200 nghìn đồng. Do vậy mới đủ căn cứ xác định Nguyễn Q M tàng trữ, lưu hành 29.200.000đ (hai chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Đối với bị can Lê Ngọc T đã có hành vi mua 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) tiền giả của Nguyễn Q M sau đó đem đi lưu hành tại chợ B và cất giấu tại nhà của T.

Cáo trạng số 19/CT-VKS-P1 ngày 01/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá truy tố Đoàn M L tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật hình sự, Nguyễn Q M, Lê Ngọc T tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Đoàn M L 15-16 năm tù. Phạt bổ sung 10.000.000đ-15.000.000đ

Áp dụng: khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Q M 6-7 năm tù

Áp dụng: khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 91, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lê Ngọc T 03 năm tù cho hưởng án treo

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ tiền giả thu của các bị cáo, 01 ví da, tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại sam sung, 01 điện thoại LG. Truy thu của Đoàn M L 6.660.000đ, Nguyễn Q M 3.390.000đ, Lê Ngọc T 320.000đ, trả lại cho Nguyễn Q M 02 thẻ ATM.

* Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo:

- Luật sư Dương Đình Lâm bào chữa cho bị cáo Đoàn M L: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho Lê Ngọc T: Thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh, điều luật truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, lần đầu phạm tội, chưa tiền án, tiền sự, khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố đẻ tham gia quân đội, ông ngoại được tặng huân chương kháng chiến, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giúp cơ quan điều tra khám phá nhanh vụ án, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

Ý kiến của các bị cáo:

Đoàn M L, Nguyễn Q M: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt

Lê Ngọc T: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được tiếp tục đi học

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định tố tụng, và hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá, của Điều tra viên, Kiểm sát viên, và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020, Đoàn M L đã lưu hành 149.000.000đ tiền giả, Nguyễn Q M có hành vi tàng trữ, lưu hành 29.200.000đ, Lê Ngọc T tàng trữ, lưu hành 17.000.000đ tiền giả. Hành vi của bị cáo Đoàn M L đã phạm tội “*Lưu hành tiền giả*”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật hình sự. Nguyễn Q M, Lê Ngọc T phạm tội “*tàng trữ, lưu hành tiền giả*” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, chỉ vì vụ lợi các bị cáo đã mua tiền giả với số lượng lớn sau đó đem bán lại và đem ra thị trường tiêu thụ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tới trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý tiền tệ, ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc lưu thông hàng hóa, vì vậy cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng, đồng thời phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo liên hệ với nhau qua face book để mua bán tiền giả và đem ra thị trường tiêu thụ, từng bị cáo phải chịu trách nhiệm với số lượng tiền giả đã giao dịch, mua bán, tiêu thụ. Đoàn M L là người lưu hành số tiền 149.000.000đ, là người trực tiếp bán tiền giả cho Nguyễn Q M, Nguyễn Q M mua của L 29.200.000đ, Nguyễn Q M lại bán lại cho Lê Ngọc T 17.000.000đ tiền giả. Do đó L giữ vai trò chính và có mức án cao nhất, Nguyễn Q M vai trò thứ hai và Lê Ngọc T có vai trò sau cùng trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Đoàn M L nhiều lần mua bán tiền giả với nhiều đối tượng, là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi của mình - là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đoàn M L có thời gian phục vụ trong quân đội là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó khi quyết định hình phạt giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật yên tâm cải tạo thành người tốt. Đoàn M L và Nguyễn Q M cần cách ly khỏi xã hội một thời gian. Lê Ngọc T có nơi cư trú rõ ràng, khi phạm tội mới 16 tuổi 08 tháng 29 ngày, ở độ tuổi này thể chất, tinh thần phát triển chưa hoàn chỉnh, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, hiện nay đang học lớp 12 Trường trung học phổ thông N II, Nhà trường có công văn xác nhận Lê Ngọc T đang là học sinh của nhà trường, có hoàn cảnh khó khăn, nhưng luôn cố gắng học tập, học lực khá, hạnh kiểm tốt, luôn chấp hành nghiêm túc nội quy Nhà trường, đề nghị Hội đồng xét xử cho Lê Ngọc T tiếp tục đi học, UBND xã B, N xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ ly hôn, bố tH xuyên ốm đau. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly Lê Ngọc T khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương, địa phương, nhà trường và gia đình giám sát giáo dục, để bị cáo tiếp tục đi học là phù hợp với

quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự cũng như các quy định của pháp luật về xử lý người chưa thành niên phạm, cũng đủ để giáo dục Lê Ngọc T thành người tốt

[6] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với Đoàn M L và Nguyễn Q M để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về vật chứng: Các vật chứng đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa là tiền giả, tài sản không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. chiếc xe máy hiệu ESPERO, BKS 36AA-95915 là phương tiện đi học của Lê Ngọc T nên trả lại cho bị cáo, điện thoại di động thu của các bị cáo M, T tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước. trả lại cho Nguyễn Q M 02 thẻ ATM. Truy thu số tiền của các bị cáo do mua bán tiền giả mà có.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14, các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Đoàn M L phạm tội “*Lưu hành tiền giả*”; Nguyễn Q M, Lê Ngọc T phạm tội “*Tàng trữ, lưu hành tiền giả*” .

* **Áp dụng:** Khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

* **Xử phạt:** Đoàn M L 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 03/11/2020. Phạt tiền 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

* **Áp dụng:** Khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

* **Xử phạt:** Nguyễn Q M 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 12/6/2020. Phạt tiền 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

* **Áp dụng:** khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

* **Xử phạt:** Lê Ngọc T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và Trường trung học phổ thông N II, Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

*** Xử lý vật chứng:**

Tịch thu tiêu hủy: toàn bộ số tiền giả thu giữ của Lê Ngọc T và Nguyễn Q M được đựng trong 03 phong bì niêm phong có dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, 01 ví đen có chữ Levis đã cũ.

Trả lại cho Lê Ngọc T 01 xe ESPERO, BKS 36AA-95915. Trả lại cho Nguyễn Q M 01 thẻ ATM Techcombank, 01 thẻ ATM Vietcombank.

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Sam Sung màu đen, 01 điện thoại di động LG màu đen thu của Nguyễn Q M và Lê Ngọc T. Truy thu của: Đoàn M L 6.660.000đ, Nguyễn Q M 3.990.000đ, Lê Ngọc T 320.000đ sung quỹ Nhà nước.

Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 75/2021/TV-CTHADS ngày 02/02/2021 giữa Phòng An ninh điều tra, Công an tỉnh Thanh Hóa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

*** Án phí:** Mỗi bị cáo phải phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp cho người bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT, CQTHAHS, CA tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND Cấp cao tại HN;
- Bị cáo (qua Trại TG);
- Luật sư, đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ VA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng